Tên: ……...

Lớp: S2…

Ngày giao bài: Thứ …, ngày …./….

Ngày nộp bài: Thứ …, ngày …./….

Week: 36

Từ vựng HW: ……

Nghe HW: ……

Skill Builder - Listening & Speaking

A. THEORY: EXTRA VOCABULARY

❖ **Classwork**

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	**honey** (n)	mật ong	9	**trapped** (adj)	bị mắc kẹt
2	**beehive** (n)	tổ ong	10	**smash** (v)	đập mạnh, phá vỡ
3	**paw** (n)	chân (của động vật)	11	**sting** (v)	đốt (ong đốt)
4	**stick** (n)	gậy	12	**annoyed** (adj)	khó chịu, bực mình
5	**buzz off** (phr.v)	biến đi (cách nói khó chịu)	13	**lose one's temper** (phr)	nổi nóng, mất bình tĩnh
6	**slam the door shut** (phr)	đóng sầm cửa	14	**bee-sting medicine** (n)	thuốc chữa vết ong đốt
7	**go away** (phr.v)	đi đi, biến đi	15	**hot temper** (n)	tính nóng
8	**swing** (v)	vung (gậy)	16	**get sb into trouble** (phr)	khiến ai đó gặp rắc rối

❖ **Homework**

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	**skirt** (n)	váy	3	**hippo** (n)	hà mã
2	**sock** (n)	tất	4	**radio** (n)	đài ra-đi-ô

**Note:* *n = noun: danh từ; v = verb: động từ; adj = adjective: tính từ; phr.v = phrasal verb: cụm động từ; phr = phrase: cụm từ*

B. CLASSWORK

LISTENING: THE BEAR AND THE BEE

Các con nghe bài ở link hoặc code sau:

https://www.youtube.com/watch?v=jKi2SvWOCXc

Exercise 1. Listen to the story. Number the sentences in the correct order.

(Nghe câu chuyện. Đánh số các câu theo đúng thứ tự.)

A. Mr Bear gets angry and smashes the beehive into pieces.



B. Mr Bear sees a beehive in a tree.



C. Mr Bear cannot find any honey at home.



D. Mr Bear runs all the way home and slams the door shut.



LIVEWORKSHEETS

E. Mrs Bear says they have honey in their house.



F. Mr Bear goes to the forest to find honey.



G. Thousands of bees fly out and sting Mr Bear.



H. A bee stings Mr Bear on his nose.



Your answers:

1 - C	2 -	3 -	4 -	5 -	6 -	7 -	8 - .....

Exercise 2. Listen and choose the correct answers. *(Nghe và chọn đáp án đúng.)*

1. What does Mr Bear say when he smells the honey?

A. "Oh no!"

B. "Mmmmm! Honey!"

C. "Go away!"

2. What does the bee say to Mr Bear?

A. "Come here!"

B. "This is your honey!"

C. "Go away!"

3. What does Mr Bear say about himself?

A. "I am smaller."

B. "I am bigger."

C. "I am faster."

4. Where does the bee sting Mr Bear first?

A. on his nose

B. on his arm

C. on his leg

5. What does Mr Bear use to hit the beehive?

A. a stone

B. a stick

C. a chair

6. What is the lesson of the story?

A. Be kind and share your food.

B. Don't get angry easily.

C. Always go to the forest.

LIVEWORKSHEETS

C. HOMEWORK

VOCABULARY (21 questions)

Exercise 1. Con học nghĩa, phát âm và chép từ ở mục A. THEORY: EXTRA VOCABULARY (trang 1) một dòng vào vở ghi.

Exercise 2. Reorder the letters to make words. *(Sắp xếp lại các chữ cái để tạo thành từ.)*



0. p-l-a-p-e
apple



1. l-y-e-e-c-h
.....



2. n-m-a-g-o
.....



3. w-i-k-i
.....



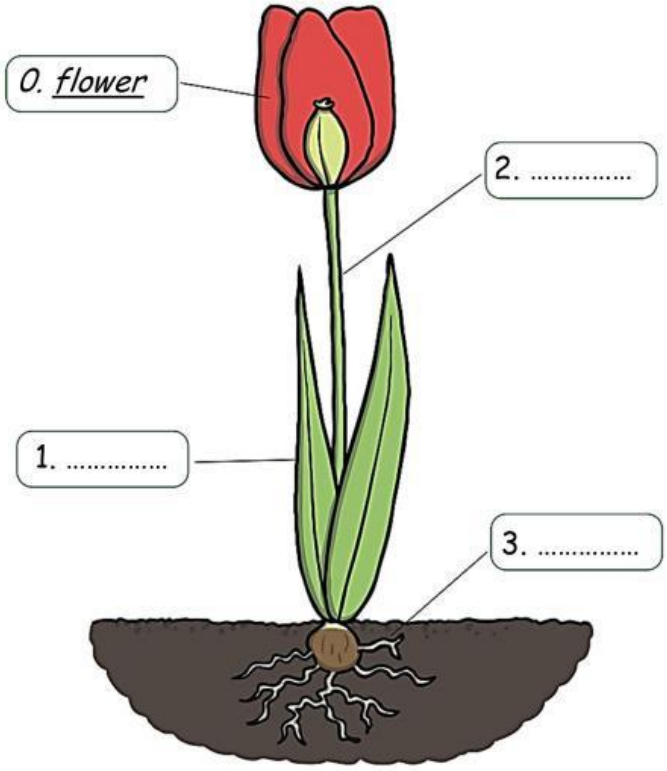
4. w-r-t-e-l-m-e-a-o-n
.....



5. l-e-p-i-a-p-p-n-e
.....

Exercise 3. Look and write the correct parts of the plant. *(Nhìn và viết đúng các bộ phận của cây.)*

~~flower~~	roots	leaf	stem

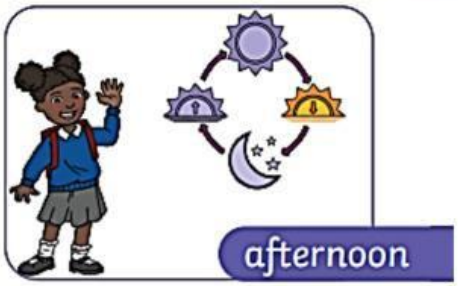


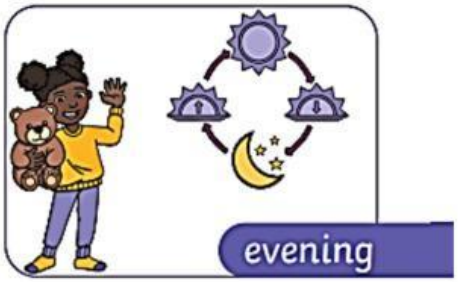
LIVEWORKSHEETS

Exercise 4. Match the activity with the time of day. *(Nối hoạt động với thời điểm trong ngày.)*

0. eating breakfast
1. brushing teeth
2. bedtime story
3. eating lunch
4. getting dressed
5. getting ready for bed
6. waking up
7. going to sleep
8. having a bath or shower
9. playing with friends
10. watching tv







Exercise 5. Use the activities in Exercise 4. Write sentences about yourself.
(Dùng các hoạt động ở Bài 4. Viết câu về bản thân con.)

0. *I eat breakfast in the morning.*

1. ..... in the morning.

2. ..... in the afternoon.

3. ..... in the evening.

LIVEWORKSHEETS

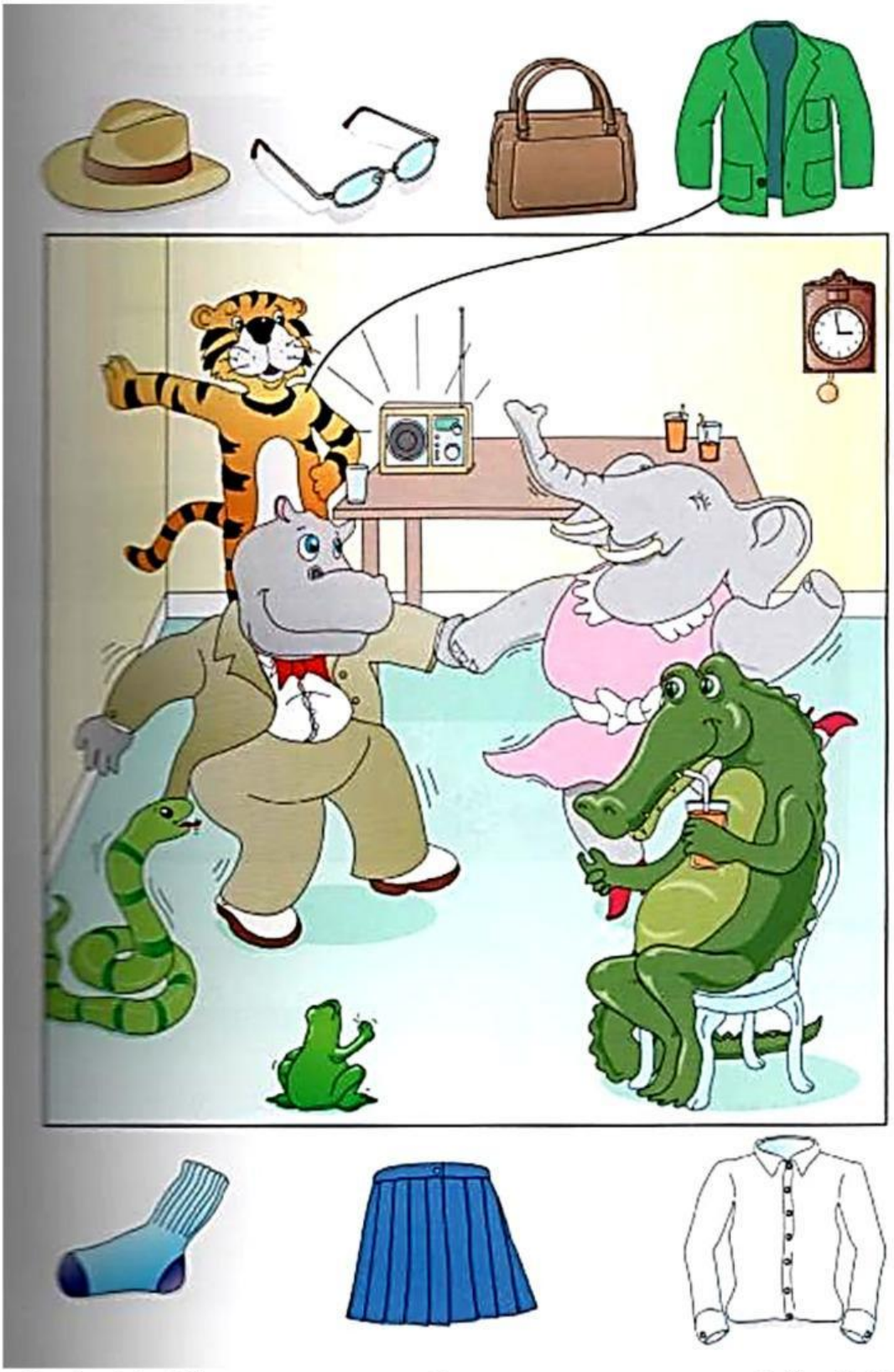
CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE (5 questions)

Các con nghe bài ở link hoặc code sau:

https://soundcloud.com/ms-chi-english/listening-for-words-and-prepositions-20

STARTERS PART 1

Listen and draw lines.



LIVEWORKSHEETS